

Bản án số: 29/2023/HNGĐ - ST

Ngày 10 tháng 4 năm 2023

*“V/v: Không công nhận quan hệ
vợ chồng”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tô Thị Lành

2. Ông Quách Đình Hoảng

- Thư ký phiên tòa: Ông Thủy Sơn Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Trong ngày 10 tháng 4 năm 2023 tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/2023/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023 về việc: **“Không công nhận quan hệ vợ chồng”** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Kơ Pă D, sinh năm 1981

Địa chỉ: Làng M 4, xã IK, huyện CP, tỉnh Gia Lai

2. Bị đơn: Chị Rơ Mãnh M, sinh năm 1979

Địa chỉ: Làng N, xã I, thành phố P, tỉnh Gia Lai

Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 3 năm 2023, bản tự khai ngày 13 tháng 3 năm 2023 cùng các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, ý kiến của nguyên đơn anh Kơ Pă D như sau:

Anh và chị Rơ Mãnh M yêu thương và tự nguyện chung sống với nhau tại làng N, xã I, thành phố P, tỉnh Gia Lai năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống, anh và chị M dần dần phát sinh nhiều mâu thuẫn từ nhỏ đến lớn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đỉnh điểm nhất là năm 2010 anh chị đã

không còn chung sống. Đến nay, bản thân anh nghiêm túc nhìn nhận và cảm thấy không thể tiếp tục chung sống và duy trì quan hệ hôn nhân với chị M nên yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố P giải quyết ly hôn giữa anh và chị Rơ Mãnh M.

Về con chung: Anh và chị Rơ Mãnh M có 02 (hai) con chung là Rơ Mah N1, sinh ngày 16 tháng 8 năm 1999 và Rơ Mãnh N2, sinh ngày 31 tháng 10 năm 2002, các con đều đã thành niên, có khả năng lao động và học tập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Anh và chị Rơ Mãnh M không có tài sản chung và không có nghĩa vụ chung phải thực hiện nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 13 tháng 3 năm 2023, cùng các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, ý kiến của bị đơn chị Rơ Mãnh M như sau:

Chị tự nguyện chung sống với anh Kơ Pă D tại làng N, xã I, thành phố P, tỉnh Gia Lai từ năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, chỉ làm lễ cưới theo phong tục. Trong quá trình chung sống, từ nhiều nguyên nhân khác nhau, chị và anh Kơ Pă D xảy ra mâu thuẫn trong thời gian dài, mâu thuẫn trầm trọng nên từ năm 2010 anh chị không sống chung đúng như anh D đã trình bày. Chị và anh Kơ Pă D cùng nhau thống nhất chấm dứt hôn nhân vì vậy chị đồng ý với yêu cầu ly hôn của anh D.

Về con chung: Chị và anh Kơ Pă D có 02 (hai) con chung là Rơ Mah N1, sinh ngày 16 tháng 8 năm 1999 và Rơ Mãnh N2, sinh ngày 31 tháng 10 năm 2002, các con hiện đang sống với chị do chị chịu trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng tuy nhiên các con đều đã thành niên, có khả năng lao động và học tập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị và anh Kơ Pă D không có tài sản chung và không có nghĩa vụ chung phải thực hiện nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Do mâu thuẫn gia đình, anh Kơ Pă D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng anh chị không đăng ký kết hôn nên đây là tranh chấp về không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chị M cư trú trên địa bàn thành phố P, tỉnh Gia Lai nên thẩm quyền giải quyết thuộc về Tòa án nhân dân thành phố P theo loại việc, theo lãnh thổ và theo cấp xét xử.

[2] Anh Kơ Pă D và chị Rơ Mãnh M tự khai nhận anh chị chung sống trên cơ sở tự nguyện từ ngày 10 tháng 6 năm 1998 nhưng không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình quy định “*Nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 1 năm 1987 đến ngày 01 tháng 1 năm 2001 mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho*

đến ngày 01 tháng 1 năm 2003...” và hướng dẫn tại điểm b khoản 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT - TANDTC - VKSNDTC - BTP ngày 03 tháng 01 năm 2001

Quá trình tham gia tố tụng, anh Kơ Pă D và chị Rơ Măh M đều thừa nhận mối quan hệ hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ và thống nhất yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn chấm dứt cuộc hôn nhân của anh chị.

Trong vụ án này, anh Kơ Pă D chưa đến tuổi kết hôn khi chung sống với chị Rơ Măh M là vi phạm điều kiện kết hôn tuy nhiên dựa theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT - TANDTC - VKSNDTC - BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 “4. *Trường hợp năm nữ, chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu huỷ việc kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Toà án thụ lý, giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ*” và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng*”, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa anh Kơ Pă D và chị Rơ Măh M là vợ chồng.

Từ đó có cơ sở nhận định, yêu cầu ly hôn của anh Kơ Pă D là có căn cứ cần chấp nhận nhưng do anh D và chị Rơ Măh M không có đăng ký kết hôn nên tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Kơ Pă D và chị Rơ Măh M.

[3] Về con chung: Anh Kơ Pă D và chị Rơ Măh M có 02 (hai) con chung Rơ Mah N1, sinh ngày 16 tháng 8 năm 1999 và Rơ Măh N2, sinh ngày 31 tháng 10 năm 2002; anh chị thống nhất các con đều đã thành niên, có khả năng lao động, không bị mất năng lực hành vi dân sự và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Đối với vấn đề tài sản chung và nghĩa vụ chung: Anh Kơ Pă D và chị Rơ Măh M không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét trong cùng vụ án này.

[4] Về án phí: Anh Kơ Pă D phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9, 14 và 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 3, Điều 8 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp;

Căn cứ Điều 146, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Kơ Pă D

Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Kơ Pă D và chị Rơ Măh M

2. Về án phí: Anh Kơ Pă D phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo biên lai số 0003213 ngày 13 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P. Anh Kơ Pă D đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo để Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát thành phố P;
- Chi cục thi hành án dân sự thành phố P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký
Võ Thị Thanh Thuý

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA